

|                                                                     |                                |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.       | - Số: 39/CT1                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. |                                |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                               | - Mã số mẫu: NS.CT1.121225.01  |
| - Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Cần Thơ 1.                         |                                |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.           |                                |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 12/12/2025                                 | - Ngày trả kết quả: 24/12/2025 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                                                  | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                                              | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                                   | 5,4     |
| 2   | pH                                                                  | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                            | 7,21    |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                                    | 0,546   |
| 4   | Mùi vị                                                              | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ                   | Không   |
| 5   | Clo dư                                                              | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                              | 0,91    |
| 6   | Coliforms                                                           | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <1                                   | <1      |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                                   | <1      |
| 8   | Chỉ số Permanganat                                                  | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                                    | 0,73    |
| 9   | Arsenic (As)                                                        | mg/l       | TCVN 6626:2000 (**)                          | 0,01                                 | KPH     |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/l       | EPA 350.2(1997) (**)                         | 1                                    | KPH     |
| 11  | Sắt tổng (Fe)                                                       | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                                  | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                             | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                                  | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                                                         | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                                  | -       |
| 14  | Clorua (Cl <sup>-</sup> )                                           | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                                  | -       |
| 15  | Độ cứng                                                             | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                                  | -       |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC  
CẦN THƠ**

Mã số: BM.PTNQT.05.01

Lần ban hành: 04

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH**

Hiệu lực: 21/7/2025

Trang: 2/2

- Ghi chú:**
- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131<sup>AOSC</sup>;
  - (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
  - Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
  - (-) không thực hiện.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CẦN THƠ**

**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**

**Phạm Hữu Việt**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC  
CẦN THƠ****PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH**

Mã số: BM.PTNQT.05.01

Lần ban hành: 04

Hiệu lực: 21/7/2025

Trang: 1/2

- Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

- Số: 40/CT1

- Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Tên mẫu: Nước sạch.

- Mã số mẫu: NS.CT1.121225.02

- Địa điểm lấy mẫu: UBND phường Tân An - NMN Cần Thơ 1

- Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.

- Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 12/12/2025

- Ngày trả kết quả: 24/12/2025

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                                                     | Đơn vị     | Phương pháp thử                                 | Tham chiếu<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả |
|-----|------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                                                 | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo<br>HACH Method 8025) (*)  | 15                                   | 4,9     |
| 2   | pH                                                                     | -          | PTNHD05.01 (tham khảo<br>TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                            | 7,23    |
| 3   | Độ đục                                                                 | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo<br>TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                                    | 0,485   |
| 4   | Mùi vị                                                                 | -          | Cảm quan                                        | Không mùi<br>và vị lạ                | Không   |
| 5   | Clo dư                                                                 | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                      | 0,2 - 1                              | 0,65    |
| 6   | Coliforms                                                              | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                        | <1                                   | <1      |
| 7   | E.coli hoặc<br>Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                         | <1                                   | <1      |
| 8   | Chỉ số Permanganat                                                     | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo<br>TCVN 6186:1996) (*)    | 2                                    | 0,79    |
| 9   | Arsenic (As)                                                           | mg/l       | TCVN 6626:2000 (**)                             | 0,01                                 | KPH     |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và<br>NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/l       | EPA 350.2(1997) (**)                            | 1                                    | KPH     |
| 11  | Sắt tổng (Fe)                                                          | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo<br>HACH Method 8008) (*)  | 0,3                                  | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                                | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo<br>HACH Method 8051) (*)  | 250                                  | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                                                            | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo<br>HACH Method 8149) (*)  | 0,1                                  | -       |
| 14  | Clorua (Cl <sup>-</sup> )                                              | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo<br>TCVN 6194:1996) (*)    | 250                                  | -       |
| 15  | Độ cứng                                                                | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo<br>SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                                  | -       |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC  
CẦN THƠ

Mã số: BM.PTNQT.05.01

Lần ban hành: 04

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH

Hiệu lực: 21/7/2025

Trang: 2/2

**Ghi chú:**

- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131 ;
- (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- (-) không thực hiện.



Huỳnh Thiện Đình

PHÒNG QLCL&MT

  
Phạm Hữu Việt

|                                                                                                  |                                        |                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|
| <br>CANTHOWASSCO | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                  |                                        | Lần ban hành: 04     |
|                                                                                                  | PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH      | Hiệu lực: 21/7/2025  |
|                                                                                                  |                                        | Trang: 1/2           |

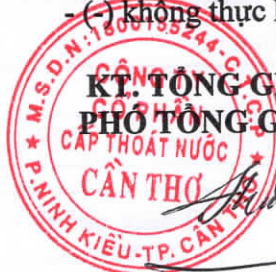
|                                                                      |                                |
|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.        | - Số: 41/CT1                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.  |                                |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                                | - Mã số mẫu: NS.CT1.121225.03  |
| - Địa điểm lấy mẫu: Khu DC Hồng Phát, phường An Bình - NMN Cần Thơ 1 |                                |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.            |                                |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 12/12/2025                                  | - Ngày trả kết quả: 24/12/2025 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                                                  | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu QCVN 01-1:2024/BYT | Kết quả |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|-------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                                              | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                            | 5,0     |
| 2   | pH                                                                  | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                     | 7,18    |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                             | 0,495   |
| 4   | Mùi vị                                                              | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ            | Không   |
| 5   | Clo dư                                                              | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                       | 0,50    |
| 6   | Coliforms                                                           | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <1                            | <1      |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                            | <1      |
| 8   | Chỉ số Permanganat                                                  | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                             | 0,81    |
| 9   | Arsenic (As)                                                        | mg/l       | TCVN 6626:2000 (**)                          | 0,01                          | KPH     |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/l       | EPA 350.2(1997) (**)                         | 1                             | KPH     |
| 11  | Sắt tổng (Fe)                                                       | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                           | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                             | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                           | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                                                         | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                           | -       |
| 14  | Clorua (Cl <sup>-</sup> )                                           | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                           | -       |
| 15  | Độ cứng                                                             | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                           | -       |

|                                                                                                         |                                                   |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                         |                                                   | Lần ban hành: 04     |
|                                                                                                         | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 21/7/2025  |
|                                                                                                         |                                                   | Trang: 2/2           |

**Ghi chú:**

- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131<sup>AOSC</sup>;
- (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- (-) Không thực hiện.



**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**

**Phạm Hữu Việt**

|                                                                                                   |                                           |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------|
| <br>CANTHOWERSCO | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br>CẦN THƠ | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                   |                                           | Lần ban hành: 04     |
|                                                                                                   | PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH         | Hiệu lực: 21/7/2025  |
|                                                                                                   |                                           | Trang: 1/2           |

|                                                                     |                                |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.       | - Số: 42/CT1                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. |                                |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                               | - Mã số mẫu: NS.CT1.121225.04  |
| - Địa điểm lấy mẫu: UBND phường An Bình - NMN Cần Thơ 1             |                                |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.           |                                |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 12/12/2025                                 | - Ngày trả kết quả: 24/12/2025 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                                                  | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                                              | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                                   | 5,3     |
| 2   | pH                                                                  | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                            | 7,17    |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                                    | 0,512   |
| 4   | Mùi vị                                                              | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ                   | Không   |
| 5   | Clo dư                                                              | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                              | 0,40    |
| 6   | Coliforms                                                           | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <1                                   | <1      |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                                   | <1      |
| 8   | Chỉ số Permanganat                                                  | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                                    | 0,75    |
| 9   | Arsenic (As)                                                        | mg/l       | TCVN 6626:2000 (**)                          | 0,01                                 | KPH     |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/l       | EPA 350.2(1997) (**)                         | 1                                    | KPH     |
| 11  | Sắt tổng (Fe)                                                       | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                                  | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                             | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                                  | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                                                         | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                                  | -       |
| 14  | Clorua (Cl <sup>-</sup> )                                           | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                                  | -       |
| 15  | Độ cứng                                                             | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                                  | -       |

|                                                                                                          |                                                   |                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                          |                                                   | Lần ban hành: 04     |
|                                                                                                          | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 21/7/2025  |
|                                                                                                          |                                                   | Trang: 2/2           |

**Ghi chú:**

- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131<sup>AOSC</sup>;
- (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- (-) không thực hiện.



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**

**Phạm Hữu Việt**